|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH KON TUM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |

**ĐỀ CƯƠNG**

**Tiếp xúc cử tri sau Kỳ họp thứ 4 HĐND tỉnh Khóa XII**

1. **VỀ KỲ HỌP THỨ 4**

Gần 03 ngày làm việc *(từ ngày 07/12/2022 đến ngày 09/12/2022)* với tinh thần dân chủ, trách nhiệm cao trước cử tri và Nhân dân trong tỉnh, Kỳ họp thứ 4 HĐND tỉnh Khóa XII đã thành công tốt đẹp.

Kỳ họp đã tập trung đánh giá tình hình kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2022, đề ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội năm 2023; xem xét báo cáo giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ 3 HĐND tỉnh Khóa XII, các báo cáo định kỳ về hoạt động của UBND tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục thi hành án dân sự, Đoàn Hội thẩm nhân dân tỉnh; nghe Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh thông báo về hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia xây dựng chính quyền; ý kiến, kiến nghị của Nhân dân địa phương. Thay mặt Tổ đại biểu, tôi xin báo cáo để cử tri và Nhân dân rõ thêm một số vấn đề trọng tâm như sau:

**I. Thông báo kết quả Kỳ họp thứ 4 HĐND tỉnh khóa XII** *(Thông báo số 76/TB-TTHĐND ngày 15/12/2022 của Thường trực HĐND tỉnh)*

Tại Kỳ họp thứ 4 HĐND tỉnh đã thông qua 38Nghị quyết: Cụ thể như sau:

1. Nghị quyết về việc miễn nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum nhiệm kỳ 2021 - 2026.

2. Nghị quyết về xác nhận kết quả bầu bổ sung Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum nhiệm kỳ 2021 - 2026.

3. Nghị quyết về việc miễn nhiệm Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum nhiệm kỳ 2021 - 2026.

4. Nghị quyết về xác nhận kết quả bầu Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum nhiệm kỳ 2021 - 2026.

5. Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2023.

6. Nghị quyết về dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2023.

7. Nghị quyết về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2023 tỉnh Kon Tum.

8. Nghị quyết về phê duyệt kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

9. Nghị quyết về Kế hoạch vay, trả nợ công năm 2023.

10. Nghị quyết về phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương và phân bổ kết dư ngân sách tỉnh năm 2021.

11. Nghị quyết về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh Kon Tum năm 2022.

12. Nghị quyết về tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

13. Nghị quyết ban hành quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

14. Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 60/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025.

15. Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi hỗ trợ thực hiện Dự án 5 *(Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo)* và Dự án 6 *(Truyền thông và giảm nghèo về thông tin)* thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

16. Nghị quyết quy định điều kiện về diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

17. Nghị quyết quy định địa bàn hạch toán số thu ngân sách nhà nước từ nguồn thu thuế giá trị gia tăng khấu trừ công trình xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

18. Nghị quyết quy định mức chi bảo đảm cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

19. Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

20. Nghị quyết quy định mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

21. Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 73/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi hỗ trợ, mức tặng quà cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

22. Nghị quyết Bãi bỏ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Kon Tum giai đoạn 2012 - 2020 và định hướng đến năm 2030.

23. Nghị quyết về Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2030.

24. Nghị quyết về Danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

25. Nghị quyết về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

26. Nghị quyết quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, quy định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

27. Nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư và bổ sung kế hoạch vốn trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương của Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới-Tiểu Dự án tỉnh Kon Tum.

28. Nghị quyết về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Sửa chữa nâng cấp Đập Đăk Cấm, thành phố Kon Tum.

29. Nghị quyết về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án do Văn phòng Tỉnh ủy quản lý dự án.

30. Nghị quyết về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Kè chống sạt lở bờ suối Đăk Ter, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum.

31. Nghị quyết về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng doanh trại các đơn vị thuộc Sư đoàn 10 tại xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum.

32. Nghị quyết ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

33. Nghị quyết về kết quả giám sát tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 67/2019/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua Đề án cho vay tiêu dùng từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi hoạt động “tín dụng đen” trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

34. Nghị quyết tỉnh thành lập Đoàn giám sát việc chấp hành pháp luật trong công tác quản lý, bảo vệ rừng.

35. Nghị quyết tỉnh thành lập Đoàn giám sát việc triển khai công tác đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

36. Nghị quyết số ban hành kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

37. Nghị quyết về kinh phí hoạt động năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

38. Nghị quyết về chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ 4 HĐND tỉnh.

**II. Nội dung chủ yếu của một số Nghị quyết HĐND tỉnh đã thông qua** *(Văn phòng xin chọn lọc nội dung một số nghị quyết. Đề nghị đại biểu tiếp tục nghiên cứu, lựa chọn để nội dung trình bày cho phù hợp với cử tri ở từng vùng trong tỉnh)*

**1. Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2023.**

**1.1. Về kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022**

Trong năm 2022, tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong tỉnh với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế, tạo đà hoàn thành mục tiêu năm 2022 và giai đoạn 2021-2025, tỉnh đã tập trung xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội nhằm tạo động lực đột phá để khôi phục và phát triển kinh tế sớm nhất. Qua đó, tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục ổn định, phát triển và đạt được nhiều kết quả: Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đạt 9,5%; GRDP bình quân đầu người vượt kế hoạch; tổng vốn đầu tư toàn xã hội vượt kế hoạch; thu ngân sách nhà nước đảm bảo tiến độ và đạt kế hoạch; nhiều chỉ tiêu quan trọng của tỉnh tăng cao so với cùng kỳ: tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công; số doanh nghiệp, số hợp tác xã thành lập mới; kim ngạch xuất khẩu; tổng lượng khách du lịch, các sản phẩm công nghiệp chủ yếu, các cây trồng chủ lực của tỉnh tiếp tục được tập trung phát triển;… môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được chú trọng; các chế độ, chính sách về an sinh xã hội và giảm nghèo được triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng quy định, góp phần phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, tạo sự tin tưởng, ủng hộ của nhân nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp; cơ sở vật chất giáo dục được quan tâm, đầu tư; tình hình dịch bệnh tương đối ổn định, kiểm soát tốt; chất lượng khám, chữa bệnh được cải thiện; cải cách thủ tục hành chính được chỉ đạo quyết liệt; công tác quản lý nhà nước về lâm nghiệp được triển khai quyết liệt; kỷ luật, kỷ cương hành chính được chú trọng; quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn, nhất là vướng mắc trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp chậm được giải quyết. Dịch bệnh xuất hiện trên cây Sâm Ngọc Linh gây thiệt hại lớn cho các hộ dân. Tình trạng vi phạm Luật Lâm nghiệp vẫn còn xảy ra, có những vụ vi phạm với khối lượng lớn; vi phạm pháp luật về đất đai còn xảy ra ở nhiều nơi, gây bức xúc trong dư luận. Tình trạng khai thác khoáng sản trái phép còn xảy ra, đặc biệt là khoáng sản làm vật liệu thông thường. Công tác thu hút đầu tư vào khu kinh tế và các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn, chưa tương xứng với tiềm năng. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng một số dự án quan trọng của tỉnh còn chậm; tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công một số dự án còn thấp. Kết quả cải cách hành chính; môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh chưa được cải thiện. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT năm 2022 đạt thấp hơn so với năm trước. Công tác giáo dục, đào tạo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn, thiếu cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; tỷ lệ chuyên cần của học sinh dân tộc thiểu số chưa đảm bảo, nhất là ở thời điểm mùa vụ nông nghiệp. Vẫn còn có nơi chậm chi trả chế độ hỗ trợ bán trú, chi phí học tập cho học sinh cũng như chế độ đứng lớp cho giáo viên.

**1.2. Về mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu năm 2023**

**1.2.1. Mục tiêu tổng quát**

Huy động, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiềm năng, lợi thế của tỉnh; thực hiện hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, 3 Chương trình mục tiêu quốc gia; phát triển dược liệu, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn với công nghiệp chế biến; đầu tư phát triển đô thị, du lịch, dịch vụ và tăng cường cải cách hành chính; phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế trên 10%, với cơ cấu hợp lý. Cải thiện mạnh mẽ môi truờng đầu tư, kinh doanh, tăng cuờng hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp; khắc phục thiệt hại, phục hồi sản xuất kinh doanh và tăng trưởng kinh tế sau dịch bệnh. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và mức sống của Nhân dân; Kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 và các dịch bệnh mới phát sinh; bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trên địa bàn; bảo đảm an sinh xã hội; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, tăng trưởng xanh, chuyển đổi số. Đẩy mạnh cải cách hành chính, sắp xếp bộ máy. Giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh trong mọi tình huống, không để bị động bất ngờ.

**1.2.2. Chỉ tiêu chủ yếu năm 2023**

a) Về kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh đạt từ 10% trở lên.

- Cơ cấu kinh tế: Khu vực Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản 19-20%; Khu vực Công nghiệp và Xây dựng: 31-32%; Khu vực Dịch vụ: 41-42%.

- GRDP bình quân đầu người trên 57 triệu đồng.

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 4.500 tỷ đồng.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội từ 27.000 tỷ đồng trở lên (trong đó vốn đầu tư khu vực tư nhân 20.400 tỷ đồng).

- Thành lập mới 360 doanh nghiệp.

- Giá trị xuất khẩu 290 triệu USD.

- Diện tích cây ăn quả trồng mới 1.100 ha; diện tích cây Mắc Ca trồng mới 1.000 ha; diện tích Sâm Ngọc Linh trồng mới 500 ha; các cây dược liệu khác trồng mới 900 ha.

- Xây dựng thêm 03 sản phẩm tham gia vào chuỗi giá trị các sản phẩm quốc gia.

- Tổng đàn bò 85.000 con; tổng đàn trâu 24.100 con.

- Trồng mới trên 4.000 ha rừng; tỷ lệ che phủ rừng (có tính cây cao su) đạt 63,12%.

- Phấn đấu có thêm 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Phấn đấu đạt 1,3 triệu lượt khách du lịch đến tỉnh.

- Phấn đấu Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) tăng 05 bậc so với năm 2022.

b) Về văn hóa - xã hội và môi trường

- Dân số trung bình năm 2023 khoảng 593.000 người.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 57,2%; trong đó đào tạo nghề đạt 41%.

- Giải quyết việc làm cho 6.000 lao động trở lên.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm giai đoạn 2022 - 2025 ít nhất là 4%, riêng các huyện nghèo giảm trên 6%/năm.

- Phấn đấu nâng tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông chuyển sang học nghề lên 25%.

- Phấn đấu 46% số trường mầm non, 74% số trường tiểu học, 47% số trường trung học cơ sở, 50% số trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

- Số giường bệnh trên một vạn dân (không tính giường trạm y tế xã) đạt 39,3 giường.

- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 93,35%.

- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi còn dưới 29,8%.

- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa đạt 57%; tỷ lệ thôn, làng, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa đạt 91%.

- Tỷ lệ hộ gia đình ở đô thị sử dụng nước sạch đạt 91%.

- Tỷ lệ hộ gia đình ở khu vực nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 93%.

- Tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số có đất ở đạt 98,55%.

- Tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số có đất sản xuất đạt 98,45%.

- Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%; tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường 85%.

c) Về quốc phòng, an ninh: Có từ 71% xã, phường, thị trấn trở lên mạnh về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; 80% xã, phường, thị trấn, khu dân cư, cơ quan, trường học đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự; tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố đạt 90% trở lên; tỷ lệ tội phạm về trật tự xã hội giảm 5%.

d) Các chỉ tiêu khác: Phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất.

**2. Nghị quyết ban hành quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.**

**a. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ nguồnngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**b. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**c. Nội dung và mức hỗ trợ**

1. Hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

Mức hỗ trợ: Thực hiện theo Nghị quyết số 28/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Chi mua sắm, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của đài truyền thanh xã, phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện để đảm bảo yêu cầu của công tác thông tin, tuyên truyền theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ:

a) Mua sắm, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của đài truyền thanh xã: Hỗ trợ 95% kinh phí thực hiện trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với xã đặc biệt khó khăn và 90% kinh phí thực hiện trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các xã còn lại.

b) Mua sắm, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện: Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện mô hình trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các huyện miền núi; 50% kinh phí thực hiện mô hình trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các huyện còn lại.

4. Chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân tổ chức; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh.

Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 95% kinh phí thực hiện trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn và 90% kinh phí thực hiện trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các xã, thôn còn lại.

5. Chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp.

Mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

6. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại.

Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% tổng kinh phí hỗ trợ cho 01 cơ sở, tổ chức, cá nhân theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn thực hiện theo Quyết định số [801/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/doanh-nghiep/quyet-dinh-801-qd-ttg-2022-chuong-trinh-bao-ton-va-phat-trien-lang-nghe-viet-nam-2021-2030-521131.aspx) ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

a) Nội dung thực hiện: Theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Mức hỗ trợ: Theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy định này.

8. Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền.

Mức hỗ trợ: Theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy định này.

9. Chi hỗ trợ xây dựng và triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Mức hỗ trợ: Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy định này.

10. Chi mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của địa phương. Mức hỗ trợ:

- Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Quy định này và không quá 1.000 triệu đồng/thiết chế.

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Quy định này và không quá 500 triệu đồng/thiết chế.

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã: Theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy định này và không quá 80 triệu đồng/thiết chế.

- Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn: Theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy định này và không quá 50 triệu đồng/thiết chế.

11. Chi hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Thư viện cấp huyện; tủ sách cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn. Mức hỗ trợ:

- Thư viện, tủ sách tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Quy định này và không quá 100 triệu đồng/01 tủ sách.

- Thư viện, tủ sách xã: Theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy định này và không quá 50 triệu đồng/01 tủ sách.

- Tủ sách thôn: Theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy định này và không quá 30 triệu đồng/tủ sách.

12. Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, thôn và hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, thôn.

Mức hỗ trợ: Theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy định này và tối đa:

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã: Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã là 50 triệu đồng/01 năm;

- Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn: Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp thôn là 30 triệu đồng/01 năm.

13. Chi hỗ trợ tổ chức thực hiện các Đề án/Kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường; thí điểm và hỗ trợ nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện mô hình phân loại rác tại nguồn phát sinh.

Mức hỗ trợ: Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy định này.

14. Chi hỗ trợ điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng, xác định khu vực ô nhiễm; xây dựng và tổ chức thực hiện các giải pháp đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường; theo dõi diễn biến chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm theo Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

Mức hỗ trợ: Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy định này.

15. Chi giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu.

Mức hỗ trợ: Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy định này.

16. Chi hỗ trợ thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới.

Mức hỗ trợ: Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy định này.

17. Chi hỗ trợ thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh.

Mức hỗ trợ: Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy định này.

18. Chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp theo hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

Mức hỗ trợ: Căn cứ theo các quy định hiện hành, quy định tại Điều 5 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và nội dung mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể:

- Đối với mô hình tại cấp tỉnh, cấp huyện: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Quy định này.

- Đối với mô hình thực hiện tại cấp xã, thôn: Theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy định này.

19. Chi hỗ trợ thành lập mô hình và duy trì sinh hoạt mô hình Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp tại cấp tỉnh; mạng lưới cố vấn/tư vấn cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh và mới thành lập do phụ nữ làm chủ. Nội dung cụ thể xây dựng mô hình thực hiện theo hướng dẫn của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam.

Mức hỗ trợ: Theo quy định tại khoản 18 Điều 3 Quy định này.

20. Chi hỗ trợ xây dựng các mô hình điểm và nhân rộng các mô hình sẵn có nhằm vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”.

Mức hỗ trợ: Theo quy định tại khoản 18 Điều 3 Quy định này và không quá 30 triệu đồng/mô hình.

21. Chi thí điểm và nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng.

Mức hỗ trợ: Theo quy định tại khoản 18 Điều 3 Quy định nà

**3. Nghị quyết về Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2030.**

**1.** **Mục tiêu phát triển nhà ở giai đoạn 2021 - 2030**

**a) Giai đoạn đến năm 2025**

- Diện tích nhà ở bình quân toàn tỉnh sẽ đạt khoảng 26,0m2 sàn/người. Trong đó, diện tích nhà ở bình quân tại đô thị đạt khoảng 29,5m2 sàn/người, diện tích nhà ở bình quân tại nông thôn đạt khoảng 22,9m2 sàn/người.

- Diện tích sàn nhà ở tối thiểu đến năm 2025 là 10m2 sàn/người.

- Tổng diện tích sàn nhà ở toàn tỉnh đến năm 2025 đạt khoảng 16.120.000m2 sàn, tăng thêm khoảng 4.340.327m2 sàn, trong đó: Nhà ở xã hội: Khoảng 104.046m2 sàn; Nhà ở thương mại: Khoảng 1.148.171m² sàn; Nhà ở của hộ gia đình, cá nhân: Khoảng 3.085.610m² sàn; Nhà công vụ: Khoảng 2.500 m² sàn.

- Chất lượng nhà ở toàn tỉnh: Phấn đấu tăng tỷ lệ nhà ở kiên cố trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 40% *(trong đó khu vực đô thị đạt khoảng 50%, khu vực nông thôn đạt khoảng 35%)*, giảm tỷ lệ nhà ở thiếu kiên cố và nhà ở đơn sơ.

**b) Giai đoạn đến năm 2030**

- Diện tích nhà ở bình quân toàn tỉnh sẽ đạt khoảng 30,0m2 sàn/người. Trong đó, diện tích nhà ở bình quân tại đô thị đạt khoảng 32,0m2 sàn/người, diện tích nhà ở bình quân tại nông thôn đạt khoảng 27,8m2 sàn/người.

- Diện tích sàn nhà ở tối thiểu đến năm 2030 là 12m2 sàn/người.

- Tổng diện tích sàn nhà ở toàn tỉnh đến năm 2030 đạt khoảng 21.136.230m2 sàn, tăng thêm khoảng 5.016.229m2 sàn, trong đó: Nhà ở xã hội: Khoảng 221.009m2 sàn; Nhà ở thương mại: Khoảng 1.738.539m² sàn; Nhà ở của hộ gia đình, cá nhân: Khoảng 3.053.331m² sàn; Nhà công vụ: Khoảng 3.350 m² sàn.

- Chất lượng nhà ở toàn tỉnh: Phấn đấu tăng tỷ lệ nhà ở kiên cố trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 85% *(trong đó khu vực đô thị đạt 100%, khu vực nông thôn đạt khoảng 70%)*, không để phát sinh nhà ở đơn sơ trong khu vực đô thị.

**2. Quỹ đất để phát triển nhà ở**

Dự kiến nhu cầu về đất đai để phát triển nhà ở giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 680 ha và giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 800 ha.

**3. Nguồn vốn để phát triển nhà ở**

Tổng nguồn vốn cần để phát triển nhà ở trong giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 37.210 tỷ đồng và giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 43.172 tỷ đồng từ nguồn ngân sách nhà nước, vốn xã hội hóa và vốn hợp pháp khác.

**4. Nghị quyết quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, quy định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Kon Tum.**

**1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**1.1. Phạm vi điều chỉnh:** Nghị quyết này quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi *(trừ việc nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường),* quy định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**1.2. Đối tượng áp dụng:** Cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chăn nuôi; các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**2. Khu vực không được phép chăn nuôi**

2.1. Khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi: Chi tiết tại phụ lục kèm theo.

2.2. Các cơ sở chăn nuôi thuộc khu vực không được phép chăn nuôi hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 phải ngừng hoạt động hoặc di dời đến địa điểm phù hợp theo quy định.

**3. Quy định vùng nuôi chim yến**

3.1. Vùng nuôi chim yến là vùng nằm ngoài khu vực không được phép chăn nuôitheo quy định tại Điều 2 Nghị quyết này. Đồng thời vùng nuôi chim yến phải bảo đảm phù hợp tập tính hoạt động của chim yến, phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và không gây ảnh hưởng đến đời sống của cư dân tại khu vực nuôi chim yến.

3.2. Các cơ sở nuôi chim yến đã hoạt động trước ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành mà nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này thì phải giữ nguyên trạng, không được cơi nới; trường hợp nhà yến nằm trong khu dân cư, nhà yến cách khu dân cư dưới 300m thì không được sử dụng loa phóng phát âm thanh.

4. Hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi

**4.1. Đối tượng thụ hưởng**

Chủ cơ sở chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại Điều 2 Nghị quyết này thực hiện việc kê khai hoạt động chăn nuôi về loại vật nuôi và số lượng vật nuôi tối thiểu phải kê khai theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

**4.2. Nguyên tắc hỗ trợ**

Hỗ trợ đối với các cơ sở chăn nuôi di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi, việc hỗ trợ được thực hiện sau khi hoàn thành việc di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi.

**4.3. Các chính sách hỗ trợ**

a) Hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi

Các cơ sở chăn nuôi thuộc khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này khi chấm dứt hoạt động chăn nuôi và di dời đến khu vực được phép chăn nuôi thì được hỗ trợ kinh phí với các mức cụ thể như sau:

- Chăn nuôi nông hộ:

+ Từ 01 đến dưới 05 đơn vị vật nuôi: 02 triệu đồng/cơ sở.

+ Từ 05 đến dưới 10 đơn vị vật nuôi: 05 triệu đồng/cơ sở.

- Chăn nuôi trang trại quy mô vừa và nhỏ: 10 triệu đồng/cơ sở.

- Chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 20 triệu đồng/cơ sở.

b) Hỗ trợ ổn định đời sống cho chủ cơ sở, người lao động trực tiếp tại các cơ sở chăn nuôi khi thực hiện di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi và đang trong thời gian xin việc hoặc đang tìm việc mới với mức hỗ trợ tương đương 15 kg gạo/lao động/tháng, trong thời gian 06 tháng, theo giá thị trường tại thời điểm hỗ trợ. Số lao động được hỗ trợ theo quy mô chăn nuôi như sau:

- Chăn nuôi nông hộ: 01 lao động/cơ sở.

- Chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ (từ 10 đến dưới 30 đơn vị vật nuôi): không quá 03 lao động/cơ sở.

- Chăn nuôi trang trại quy mô vừa (từ 30 đến dưới 300 đơn vị vật nuôi): không quá 05 lao động/cơ sở.

- Chăn nuôi trang trại quy mô lớn (từ 300 đơn vị vật nuôi trở lên): Chủ cơ sở và hợp đồng lao động thực tế tại cơ sở.

4. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách địa phương thực hiện theo phân cấp và các nguồn hợp pháp khác.

***Ghi chú:*** ***Có phụ lục kèm theo Nghị quyết, đại biểu lên trang Thông tin điện tử Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tải về, mục Tài liệu Kỳ họp thứ 4, TXCT huyện nào thì thông qua khu vực không được phép chăn nuôi và nuôi chim yến ở huyện đó.***

**5. Nghị quyết quy định điều kiện về diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ trên địa bàn tỉnh Kon Tum.**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định điều kiện về diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**2. Đối tượng áp dụng**

- Công dân Việt Nam sinh sống trên địa bàn tỉnh Kon Tum có nhu cầu đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ;

- Chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp có nhà cho thuê, mượn, ở nhờ;

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ.

**3. Điều kiện diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ**

Điều kiện diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ trên địa bàn tỉnh Kon Tum là 08m2 sàn/người.

**6. Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Kon Tum.**

Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Kon Tum:

1. Người cao tuổi ở tuổi 70, 75 tuổi: Hiện vật trị giá 200.000 đồng và 500.000 đồng tiền mặt.

2. Người cao tuổi ở tuổi 80, 85 tuổi: Hiện vật trị giá 200.000 đồng và 700.000 đồng tiền mặt.

3. Người cao tuổi thọ 90, 95 tuổi: Hiện vật trị giá 250.000 đồng và 900.000 đồng tiền mặt.

4. Người cao tuổi thọ 100 tuổi: 05 mét vải lụa và 1.500.000 đồng tiền mặt.

5. Người cao tuổi trên 100 tuổi: Hiện vật trị giá 300.000 đồng và 1.500.000 đồng tiền mặt.

**7. Nghị quyết về chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ 4 HĐND tỉnh.**

Tại Kỳ họp có 07 thành viên UBND tỉnh trả lời trực tiếp và 05 thành viên UBND tỉnh trả lời bằng văn bản chất vấn của các đại biểu. Hội đồng nhân dân tỉnh cơ bản thống nhất với trả lời chất vấn và đánh giá cao sự nỗ lực, cố gắng của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các sở, ngành trong việc điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao ở lĩnh vực phụ trách đã đạt được kết quả tích cực, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh, các thành viên UBND tỉnh đã trả lời chất vấn cần có kế hoạch với lộ trình cụ thể và quyết liệt thực hiện lời hứa, cam kết của mình trước HĐND tỉnh. Trước mắt, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm của các cơ quan, cá nhân có liên quan đến những thiếu sót, chậm trễ đã được đại biểu HĐND tỉnh chỉ ra; đồng thời, có chỉ đạo, hành động thật cụ thể, thiết thực để tạo chuyển biến thực sự ở ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, góp phần thực hiện tốt hơn nhiệm vụ chính trị của địa phương và kỳ vọng của cử tri.

Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu Chủ tịch UBND tỉnh, thủ trưởng các sở, ngành tập trung thực hiện các giải pháp khắc phục những hạn chế, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực được chất vấn, trong đó, tập trung chủ yếu vào 02 nội dung sau đây:

1. Đối với chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI); chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX); chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) *(sau đây viết tắt là các chỉ số cấp tỉnh)*.

- Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, đồng bộ các văn bản của Trung ương; các nghị quyết của Tỉnh ủy, nghị quyết của HĐND tỉnh và các văn bản chỉ đạo khác liên quan đến thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, nâng cao thứ hạng các Chỉ số cấp tỉnh.

- Ban hành ngay kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2023. Đồng thời yêu cầu thủ trưởng các sở, ngành, địa phương có kế hoạch khắc phục kịp thời các tồn tại, hạn chế đối với những chỉ tiêu, chỉ số thành phần bị giảm điểm, mất điểm, làm giảm thứ hạng. Các cơ quan được giao làm đầ u mối, chủ trì tham mưu từng tiêu chí, chỉ số thành phần và các cơ quan có liên quan phải kịp thời thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ liên quan đến các chỉ số này để phấn đấu tăng 05 bậc so với năm 2022.

- Khẩn trương đề ra giải pháp tăng cường thu hút đầu tư, hỗ trợ khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, thường xuyên tổ chức đối thoại với doanh nghiệp để tiếp nhận, kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện cho các dự án đầu tư vào tỉnh được triển khai đúng tiến độ, thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển.

- Các cấp, các ngành tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về ý nghĩa, kết quả thực hiện các chỉ số này tới đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người dân, tổ chức, doanh nghiệp để nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm và sự đồng thuận của xã hội đối với công tác cải cách hành chính và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Thủ trưởng sở, ngành, địa phương nào để bị mất điểm trong thực hiện các chỉ số này thì thủ trưởng sở, ngành, địa phương đó phải được xem xét nghiêm túc về mức độ hoàn thành nhiệm vụ và vị trí công tác.

2 Đối với công tác quản lý bảo vệ rừng.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, bảo vệ rừng; nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp trong công tác quản lý, bảo vệ rừng; thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ của lực lượng làm nhiệm vụ quản lý bảo vệ và phát triển rừng; kịp thời xem xét kiểm điểm, xử lý nghiêm trách nhiệm đối với từng tổ chức, cá nhân khi để xảy ra các vụ phá rừng, mất rừng trên địa bàn quản lý.

- Xác định, khoanh vùng các khu vực trọng điểm có nguy cơ xảy ra vi phạm để tổ chức đồng loạt ra quân mở các đợt cao điểm tuần tra, truy quét (đặc biệt trong các dịp Lễ, Tết) và bố trí lực lượng theo dõi chặt chẽ tại các vị trí ra vào rừng, các kho bãi và xưởng chế biến gỗ, bảo đảm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra, triệt phá các tụ điểm phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật; tập trung lực lượng, kiên quyết điều tra tới cùng để làm rõ các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật. Đối với các vụ vi phạm đã xác định được đối tượng phải khẩn trương kết thúc điều tra, sớm đưa ra xét xử để tăng tính răn đe, giáo dục.

- Thực hiện tốt trồng rừng, phục hồi tái sinh rừng và phòng chống cháy rừng trên địa bàn tỉnh.

**8. Phát biểu bế mạc kỳ họp**, đồng chí Dương Văn Trang, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh nhận định trong thời gian tới, tình hình kinh tế trong và ngoài nước sẽ còn có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường; bên cạnh những thời cơ, thuận lợi, tỉnh Kon Tum tiếp tục phải đối mặt với không ít những khó khăn, thách thức.

Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh, các cấp, các ngành quan tâm thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2023:

*Một là,* Thủ trưởng, người đứng đầu các cấp, các ngành phải phát huy cao nhất tinh thần trách nhiệm, sâu sát cơ sở, gần gũi Nhân dân, nắm chắc tình hình, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp đã được xác định, bảo đảm khắc phục nhanh, hiệu quả các hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra năm 2022. Đồng thời, phải bám sát Nghị quyết của Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh về phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, kịp thời cụ thể hoá thành chương trình, kế hoạch cụ thể; xác định rõ tiến độ hoàn thành, gắn với phân công nhiệm vụ cho từng tổ chức, người đứng đầu từng địa phương, đơn vị đối với từng mục tiêu, chỉ tiêu và phải thường xuyên kiểm tra, giám sát để kịp thời phát hiện, tháo gỡ các điểm nghẽn, khó khăn, vướng mắc, bảo đảm hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch ngay từ những tháng đầu của năm 2023.

*Hai là,* Quyết liệt hơn nữa, quan tâm hơn nữa ở 03 cấp chính quyền trong thực hiện các giải pháp cải thiện các chỉ số về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao các chỉ số năng lực cạnh tranh *(Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX) và chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS)).* Hiện nay, bộ máy của 3 cấp chính quyền thực hiện theo các Nghị quyết số 18-NQ/TW và số 19-NQ/TW của Trung ương đã gọn, nhưng tinh chưa và hiệu lực hiệu quả chưa, HĐND tỉnh cũng cần suy nghĩ và quan tâm.

Ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, từng địa phương, từng sở, ngành phải chủ động có kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 liên quan đến ngành mình, cấp mình. Trước mắt, tập trung triển khai thật tốt các chương trình, dự án đầu tư trọng điểm liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi và giải phóng mặt bằng để tạo quỹ đất sạch cho thu hút đầu tư. Đồng thời, chủ động gặp gỡ, vận động, đồng hành và tạo điều kiện thuận lợi nhất để các doanh nghiệp, nhà đầu tư đến đầu tư phát triển các đô thị, các khu, điểm du lịch đã được quy hoạch và xây dựng các nhà máy chế biến nông sản như: cà phê, cao su, sâm Ngọc Linh và dược liệu khác... Mọi khó khăn, vướng mắc làm ảnh hưởng đến hoạt động thu hút đầu tư, kinh doanh phải được chính quyền các cấp phát hiện và giải quyết kịp thời, dứt điểm, tạo niềm tin vững chắc cho doanh nghiệp đến đầu tư, sản xuất, kinh doanh tại tỉnh.

*Ba là,* Đến thời điểm này, HĐND tỉnh đã cơ bản hoàn thành việc cụ thể hóa, thể chế hóa các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ ngành Trung ương đối với các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025; kế hoạch vốn năm 2022 và năm 2023 của các Chương trình này cũng đã được giao về cho từng địa phương, đơn vị. Vì vậy, cần tập trung chỉ đạo quyết liệt việc triển khai thực hiện từng dự án, tiểu dự án đã được xác định. Các nghị quyết của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ và nghị quyết của HĐND tỉnh liên quan đến các Chương trình Mục tiêu quốc gia phải công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức phù hợp để doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh biết, đồng thời phải xây dựng thủ tục đăng ký hỗ trợ một cách thông thoáng, hướng dẫn và tạo điều kiện tối đa cho tổ chức, cá nhân đăng ký hỗ trợ. Chú trọng đúng mức việc lồng ghép các nguồn vốn để phát huy hiệu quả cao nhất nguồn lực quan trọng từ các chương trình này, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh phát triển nhanh, bền vững hơn.

*Bốn là,* Ngày 12/9/2022, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH về hướng dẫn hoạt động giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND. Đây là căn cứ quan trọng để HĐND, các cơ quan của HĐND và đại biểu HĐND các cấp thực hiện tốt hơn chức năng, nhiệm vụ của mình. Quán triệt và thực hiện tốt quan điểm chỉ đạo của Trung ương là *“giám sát phải mở rộng, kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm”*, đề nghị HĐND các cấp cần quán triệt và thực hiện nghiêm Nghị quyết này.

Ngay sau kỳ họp, HĐND, các cơ quan của HĐND, Tổ đại biểu HĐND các cấp cần khẩn trương xây dựng và tổ chức thực hiện thật tốt chương trình giám sát năm 2023 để cùng với các cơ quan quản lý Nhà nước kịp thời phát hiện, biểu dương và nhân rộng những tấm gương, việc làm tốt, hiệu quả đồng thời chấn chỉnh, khắc phục các hạn chế, yếu kém trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh.

**B. VỀ KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

Ngày 11/11/2022, HĐND tỉnh Khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026 đã tổ chức Kỳ họp chuyên đề. Tham dự kỳ họp có 42/50 đại biểu HĐND tỉnh. Chủ tọa kỳ họp gồm các đồng chí: Dương Văn Trang, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh; Nguyễn Thế Hải, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực HĐND tỉnh.

HĐND tỉnh đã tập trung thảo luận, xem xét và thống nhất thông qua 11 nghị quyết tạo cơ sở pháp lý để các cấp, các ngành tập trung triển khai thực hiện, đó là:

1. Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2022.

2. Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư và bổ sung vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương tỉnh Kon Tum của dự án: Kè chống sạt lở bờ suối biên giới đoạn giữa cột mốc 23/3 - 23/4 trên biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia (M).

3. Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh về điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Hồ chứa nước Đăk Pokei.

4. Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư và bổ sung trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 của dự án Tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử chiến thắng Đăk Tô - Tân Cảnh, tỉnh Kon Tum.

5. Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường từ thôn 1 đi thôn 9 xã Ia Tơi.

6. Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh về điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án đầu tư năm 2022 thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

7. Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh về việc thống nhất như đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh đưa ra ngoài Quy hoạch 03 loại rừng đối với diện tích rừng và đất lâm nghiệp để thực hiện 05 dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

8. Nghị quyết số 70/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh quy định mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

9. Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh về chấm dứt hiệu lực Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Tổ hợp khách sạn, trung tâm thương mại, dịch vụ tại phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

10. Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh về Danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2022 (bổ sung) trên địa bàn tỉnh Kon Tum (lần 3).

11. Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh về Danh mục các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào mục đích khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Phát biểu bế mạc kỳ họp, đồng chí Dương Văn Trang, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh kết luận:

**1.** Thời gian còn lại của năm 2022 không nhiều, nhưng đến cuối tháng 10/2022 một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội quan trọng của tỉnh đang còn ở mức khá thấp *(như: chi ngân sách địa phương mới được 6.412 tỷ đồng, đạt 54,6%; giải ngân vốn đầu tư công: 1.528,8 tỷ đồng, đạt 45,17%; trồng mới Sâm Ngọc Linh: 94,4 ha, đạt 18,9%...)*([[1]](#footnote-1)), đề nghị các cấp, các ngành tập trung cao độ, quyết liệt triển khai thực hiện các nghị quyết HĐND tỉnh vừa thông qua, quyết tâm phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của năm 2022 đã đề ra.

**2.** Từ đầu nhiệm kỳ 2021-2026 đến nay, việc chuẩn bị và gửi nội dung trình kỳ họp của HĐND chậm, không bảo đảm chất lượng phải xin rút vẫn còn xảy ra, có nội dung đến sát ngày khai mạc mới gửi về Thường trực HĐND tỉnh, gây khó khăn cho việc nghiên cứu của đại biểu HĐND tỉnh, thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh trước khi khai mạc kỳ họp.

Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh yêu cầu: ngay sau khi chương trình, nội dung, thời gian tổ chức kỳ họp HĐND tỉnh được thống nhất tại Hội nghị liên tịch *(do Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh tổ chức)*([[2]](#footnote-2)), ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và kết luận của Thường trực HĐND tỉnh([[3]](#footnote-3)), UBND tỉnh cần quyết liệt chỉ đạo, đôn đốc để các báo cáo, tờ trình dự thảo nghị quyết trình kỳ họp được chuẩn bị chu đáo, bảo đảm chất lượng, đúng quy trình và tiến độ đã xác định.

***Từ nay trở đi,*** các trường hợp chuẩn bị và gửi nội dung chậm trễ, không bảo đảm chất lượng cần được xem xét kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm đối với thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan soạn thảo và các cơ quan có liên quan, góp phần để kỳ họp của HĐND tỉnh được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật.

---------------

1. () Báo cáo số 328/BC-UBND ngày 03/11/2022 của UBND tỉnh về chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và tình hình kinh tế - xã hội tháng 10 và 10 tháng năm 2022; nhiệm vụ trọng tâm tháng 11 năm 2022 [↑](#footnote-ref-1)
2. () Đối với các kỳ họp thường lệ. [↑](#footnote-ref-2)
3. () Đối với các kỳ họp chuyên đề. [↑](#footnote-ref-3)